

Bản án số: 77/2026/HS-ST

Ngày: 27- 3- 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hóa và ông Tôn Thất Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2026/HSST ngày 16 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T (tên gọi khác: B), sinh ngày: 06/5/2000, tại thành phố Huế; số căn cước công dân: 046200001162; nơi cư trú: số X đường H, phường A, thành phố Huế; nghề nghiệp: Thợ làm đá; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B1 và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 06/12/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 352/2024/HS-ST); tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 14/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 88/2018/HS-ST); Ngày 20/7/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 28/2018/HSST). Bị tạm giữ từ ngày 14/8/2025, chuyển tạm giam từ ngày 23/8/2025 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Hữu H1 (tên gọi khác: X), sinh ngày: 12/5/1996, tại thành phố Huế; số căn cước công dân: 046096008389; nơi cư trú: số S đường P, phường T, thành phố Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị V; có vợ là Phan Thị Mỹ T1 (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 13/3/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số 88/2024/HS-ST); tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 14/3/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 68/2017/HS-ST). Ngày 27/12/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. (Bản án số 294/2017/HS-ST); Ngày 12/3/2021, bị Ủy ban nhân dân phường P áp dụng biện pháp giáo dục tại xã,

phường, thị trấn thời hạn 03 tháng do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định 57/QĐ-UBND). Bị tạm giữ từ ngày 14/8/2025, chuyển tạm giam từ ngày 23/8/2025 cho đến nay. Có mặt.

3. Lưu Nguyễn H2 (tên gọi khác: C), sinh ngày: 12/4/1987 tại thành phố Huế; số căn cước công dân: 046087013563; Nơi ĐKKHTT: C đường T, phường P, thành phố Huế; chỗ ở hiện nay: số J đường Đ, phường P, thành phố Huế; nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Kim T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3; có vợ là Nguyễn Thị Huyền T3 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 06/6/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế (cũ) xử phạt 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 118/2013/HSST); Ngày 14/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Phú Vang (cũ) xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 15/2018/HSST); Ngày 05/10/2023, bị Công An phường P (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. (Quyết định số 7465/QĐ-XPHC). Bị tạm giữ từ ngày 14/8/2025, chuyển tạm giam từ ngày 23/8/2025 cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Đình N (tên gọi khác: L), sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ dân phố I, phường T, thành phố Huế. Có mặt.

Chị Nguyễn Thị Thu S (tên gọi khác: S1), sinh năm 1998; địa chỉ: K đường C, phường P, thành phố Huế. Có mặt.

Người chứng kiến: Ông Lê Văn T4, sinh năm 1957; địa chỉ: G đường T, phường T, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 40 phút, ngày 14 tháng 8 năm 2025, Trần Văn T sử dụng tài khoản ứng dụng Messenger của T mang tên "Văn T" rồi nhắn tin và gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu H1 qua tài khoản ứng dụng Messenger mang tên “Nguyễn H1” và nói với H1: “Một lát nữa mẹ em về, em xin mẹ mấy trăm nghìn đồng rồi lên nhà anh chơi”. Do H1 và T đều là những người sử dụng ma túy loại hồng phiến và ma túy dạng đá nên khi nghe T nói vậy, H1 hiểu ý T là lát nữa mẹ T về, T sẽ xin mẹ ít tiền để mua ma túy loại hồng phiến và ma túy đá rồi lên nhà H1 sử dụng ma túy, thì H1 đồng ý. Sau đó, T tiếp tục nhắn tin và gọi điện thoại cho Lưu Nguyễn H2 và hẹn H2 đến nhà H1 ở địa chỉ số S đường P, phường T, thành phố Huế chơi, đồng thời nói với H2 là mua ma túy (loại hồng phiến và ma túy đá) đưa về nhà H1 để sử dụng. T sẽ trả tiền góp mua ma túy lại sau, thì H2 đồng ý. Sau khi liên lạc với H1, H2; T tiếp tục nhắn tin và gọi điện thoại cho Nguyễn Đình N và nói N thuê xe ôm đến nhà T chơi, thì N đồng ý. Khi N đến, T rủ N lên nhà H1 chơi nhưng T không nói với N việc đến nhà H1 là để sử dụng ma túy, thì N đồng ý và cả hai cùng nhau đến nhà H1. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, T và N đến nhà H1. Khi vào phòng H1, T nói với H1 “đội xí anh H2 tới chơi chứ”, H1 và T ngầm hiểu là một lát nữa, Lưu Nguyễn H2 sẽ đến và mang ma túy tới để cả nhóm cùng nhau sử dụng. Trong phòng ngủ của H1 lúc này đã có sẵn một ống

thủy tinh “nổ”, một vỏ chai nước bên trên nắp bình nước H1 đã làm sẵn hai lỗ để gắn ống thủy tinh “nổ” và ống hút dùng và vỏ một bình nước thủy tinh là các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy. T lấy ống thủy tinh “nổ” lên cùng với H1 làm dụng cụ, vệ sinh “nổ” để lát nữa cả nhóm cùng nhau sử dụng ma túy. Lúc này N ngồi chơi điện thoại, không tham gia làm công cụ để sử dụng ma túy. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, H2 đến và vào phòng ngủ của H1. H2 lấy từ trong túi xách của H2 mang theo ra 01 (một) gói ni lông màu hồng bên trong có chứa ma túy hồng phiến và hai gói ni lông màu trắng, một gói ni lông chứa ma túy dạng đá, một gói ni lông chứa ma túy thuốc lắc và một ống thủy tinh “nổ” để sử dụng chất ma túy. Sau đó, T đưa cho H2 một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và nói với H2 là T góp 300.000 đồng tiền mua ma túy, H2 đồng ý và trả lại cho T tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng. T lấy ma túy đá từ H2 bỏ vào trong ống thủy tinh “nổ” và lấy bật lửa khò dưới đáy “nổ” để “nấu” ma túy đá. Sau khi làm ma túy xong, T đưa cho H1 sử dụng. N không tham gia góp tiền gì mà chỉ tham gia với tư cách là khách mời. Đến khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/8/2025, khi tất cả đang sử dụng ma túy thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Mở rộng điều tra xác định: Nguồn gốc số ma túy cả nhóm sử dụng và bị cơ quan Công an phát hiện, thu giữ là do Lưu Nguyễn H2 mang đến. Cụ thể, vào trưa ngày 14/08/2025, H2 đi xe ôm đến khu vực đường bờ hồ T và P, phường P, thành phố Huế gặp một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) để mua 1.500.000 đồng ma túy loại hồng phiến và ma túy dạng đá, người thanh niên này đồng ý và lấy tiền đi. Khoảng 10 phút sau, người thanh niên này quay lại và giao bán cho H2 một gói ni lông được gói bằng băng keo đen, T mở ra kiểm tra thấy bên trong có khoảng 80 viên ma túy hồng phiến và một gói ma túy dạng đá nên đem về nhà cất giấu.

Đối với ma túy thuốc lắc: Trước ngày bị bắt khoảng 2 ngày, H2 đi chơi, nghe nhạc tại quán ASTA thì được một người thanh niên quen biết ngoài xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể) ngồi bàn bên cạnh cho một phần nhỏ của viên ma túy thuốc lắc, H2 lấy nhưng không sử dụng nên đem về nhà cất giấu. Đến ngày 14/8/2025, sau khi mua được ma túy hồng phiến và đá, H2 để chung viên ma túy thuốc lắc vào gói ma túy hồng phiến, đá đưa tới nhà H1 để ai sử dụng thì lấy sử dụng. Về tiền mua ma túy thì T và H2 thống nhất là H2 lấy tiền ra trả trước sau đó T và H2 sẽ góp lại. Cơ quan Cảnh sát Công an thành phố Huế đã tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1, Lưu Nguyễn H2 và Nguyễn Đình N, kết quả tất cả đều dương tính với chất ma túy (loại A và Methamphetamine). Sau khi bắt quả tang, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả tự do cho Nguyễn Đình N.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) túi ni lông màu hồng bên ngoài có chữ A, bên trong có chứa 75 (bảy mươi lăm) viên nén hình trụ tròn màu đỏ, 02 (hai) viên nén màu xanh; 01 (một) túi ni lông màu trắng viên đỏ bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng và 01 (một) túi ni lông màu trắng viên đỏ bên trong có chứa mảnh vỡ viên nén màu xám. Tất cả được niêm phong kín bằng túi ni lông niêm phong mã số PS3-1906343. Bên ngoài có chữ ghi họ tên Nguyễn Thành L1; chữ ký ghi họ tên Lưu Nguyễn H2; chữ ký ghi họ tên Trần Văn T; chữ ký ghi họ tên Nguyễn Hữu H1; chữ ký ghi họ tên Nguyễn Đình N và 02 (hai) dấu tròn đỏ của Công an phường T.

- 01 (một) vỏ chai nhựa màu trắng có nắp xanh, trên nắp vỏ chai có gắn 01 (một) ống thủy tinh hình trụ tròn và 01 (một) ống nhựa.

- 01 (một) vỏ chai thủy tinh có nắp màu vàng, trên nắp vỏ chai có gắn 01 (một) ống thủy tinh hình trụ tròn.
 - 03 (ba) máy bật lửa.
 - 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 86481806046019 (thu giữ của Lưu Nguyễn H2, máy đã qua sử dụng).
 - 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone màu đen, số IMEI: 350813228585784 (thu giữ của Lưu Nguyễn H2, máy đã qua sử dụng).
 - 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone màu vàng, số IMEI: 356712080640667 (thu giữ của Nguyễn Đình N, máy đã qua sử dụng).
 - 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, số IMEI: 865532067330155 (thu giữ của Nguyễn Hữu H1, máy đã qua sử dụng).
 - 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 869644050500292 (thu giữ của Trần Văn T, máy đã qua sử dụng)
 - 01 (một) xe mô tô màu đen, BKS: 75 H1 – 611.63 hiệu Honda Winner (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và tình trạng bên trong, thu giữ của Lưu Nguyễn H2).
 - 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng.
 - 01 (một) tờ tiền ngân hàng Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng.
- Tại bản kết luận giám định số 581/KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Huế, kết luận:
- + 75 (Bảy mươi lăm) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có tổng khối lượng là 6,8028g (sáu phẩy tám không hai tám gam), là ma túy, loại Methamphetamine.
 - + 02 (Hai) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu xanh gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có tổng khối lượng là 0,1807g (không phẩy một tám không bảy gam), là ma túy, loại Methamphetamine.
 - + Mảnh vỡ viên nén màu xám gửi giám định (nêu tại mục 1.2, phần II) có khối lượng là 0,0866g (không phẩy không tám sáu sáu gam), là ma túy, loại MDMA và Ketamine.
 - + Mẫu tinh thể rắn gửi giám định (nêu tại mục 1.3, phần II) có khối lượng là 0,4673g (không phẩy bốn sáu bảy ba gam), là ma túy, loại Methamphetamine.
- Sau khi giám định, Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế tiếp tục tạm giữ gồm:
- + 6,6028g (sáu phẩy sáu không hai tám gam) mẫu bột được nghiền từ 75 (bảy mươi lăm) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ (nêu tại mục 1.1, phần II);
 - + 0,3673g (không phẩy ba sáu bảy ba gam) mẫu tinh thể rắn gửi giám định (nêu tại mục 1.3, phần II);
- Không hoàn lại 02 (hai) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu xanh (nêu tại mục 1.1, phần II) và mảnh vỡ viên nén màu xám (nêu tại mục 1,2 phần II) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế vì đã sử dụng hết trong quá trình giám định.
- Tại bản Cáo trạng số 80/CT-VKSKV1 ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1 và Lưu Nguyễn H2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1 và Lưu Nguyễn H2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 08 năm 03 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H1 từ 08 năm đến 08 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lưu Nguyễn H2 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định và các vật liệu, bao gói, niêm phong; 01 (một) vỏ chai nhựa màu trắng có nắp xanh, trên nắp vỏ chai có gắn 01 (một) ống thủy tinh hình trụ tròn và 01 (một) ống nhựa; 01 (một) vỏ chai thủy tinh có nắp màu vàng, trên nắp vỏ chai có gắn 01 (một) ống thủy tinh hình trụ tròn; 03 (ba) máy bật lửa.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 86481806046019; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone màu đen, số IMEI: 350813228585784; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, số IMEI: 865532067330155; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 869644050500292; 01 (một) tờ tiền Ngân hàng V1 mệnh giá 500.000 đồng.

+ Trả lại cho Nguyễn Đình N 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone màu vàng, số IMEI: 356712080640667; Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu S 01 (một) xe mô tô màu đen, BKS: 75 H1 – 611.63 hiệu Honda Winner; trả lại cho Trần Văn T 01 (một) tờ tiền ngân hàng Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng.

Ý kiến và lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Huế đã truy tố. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

Vào tối ngày 14/8/2025, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1 và Lưu Nguyễn H2 đã có hành vi bàn bạc, thỏa thuận thống nhất góp tiền mua ma túy và địa điểm để sử dụng trái phép chất ma túy. Đến 21 giờ 30 phút ngày 14/8/2025 khi các bị cáo đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ khối lượng ma túy còn lại mà các bị cáo chưa kịp sử dụng hết là 7,4508 g (bảy phẩy bốn năm không tám gam) là ma túy, loại Methamphetamine và 0,0866 g (không phẩy không tám sáu sáu gam) là ma túy, loại MDMA và Ketamine.

Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1 và Lưu Nguyễn H2 là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý tổ chức cho cả nhóm gồm 03 người sử dụng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1 và Lưu Nguyễn H2 đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế đã truy tố.

[3]. Xét căn cứ quyết định hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo đều đóng vai trò là người thực hành. Trong đó, Trần Văn T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác sử dụng trái phép chất ma túy, góp tiền mua ma túy, trực tiếp chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy, nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Bị cáo Lưu Nguyễn H2 là người góp tiền mua và cung cấp ma túy; bị cáo Nguyễn Hữu H1 sử dụng địa điểm là nơi ở của mình, chuẩn bị công cụ, phương tiện để sử dụng ma túy, nên bị cáo H1 và H2 phải chịu trách nhiệm hình sự sau bị cáo T.

Ma túy nói chung, Methamphetamine, MDMA và Ketamine là các chất ma túy gây nghiện, rất nguy hiểm cho sức khỏe con người, là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác; bị pháp luật nghiêm cấm tổ chức sử dụng trái phép, hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng.

Bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Hữu H1 đều đã bị kết án, chưa được xóa tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này các bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, cả ba bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1 và Lưu Nguyễn H2 đều có nhân thân xấu. Do đó, cần có mức án nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra xác định người bán ma túy cho Lưu Nguyễn H2 tại đường T, phường P, thành phố Huế, do không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Đình N không có sự bàn bạc, thống nhất với các bị cáo sẽ góp tiền mua ma túy, không có hành vi giúp sức nên không đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tuy nhiên, N có hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, sử dụng, mua bán, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) vỏ chai nhựa màu trắng có nắp xanh, trên nắp vỏ chai có gắn 01 (một) ống thủy tinh hình trụ tròn và 01 (một) ống nhựa; 01 (một) vỏ chai thủy tinh có nắp màu vàng, trên nắp vỏ chai có gắn 01 (một) ống thủy tinh hình trụ tròn; 03 (ba) máy bật lửa; đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với những điện thoại thu giữ của các bị cáo gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 86481806046019, thu giữ của Lưu Nguyễn H2; 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone màu đen, số IMEI: 350813228585784, thu giữ của Lưu Nguyễn H2; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, số IMEI: 865532067330155, thu giữ của Nguyễn Hữu H1; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 869644050500292, thu giữ của Trần Văn T; đây là điện thoại các bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng; là tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 (một) tờ tiền ngân hàng Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo Trần Văn T.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone màu vàng, số IMEI: 356712080640667 (thu giữ của Nguyễn Đình N, máy đã qua sử dụng) không liên quan đến tội phạm, do đó cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô màu đen, BKS: 75 H1 – 611.63 hiệu Honda Winner (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng và tình trạng bên trong, thu giữ của Lưu Nguyễn H2). Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được chiếc xe này bị cáo Lưu Nguyễn H2 mượn của chị Nguyễn Thị Thu S và không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu S.

[5]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1 và Lưu Nguyễn H2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T và bị cáo Nguyễn Hữu H1.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 14/8/2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H1 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 14/8/2025).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Nguyễn H2 .

Xử phạt bị cáo Lưu Nguyễn H2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 14/8/2025).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy còn lại sau giám định và vật liệu dùng để bao gói, niêm phong; 01 (một) vỏ chai nhựa màu trắng có nắp xanh, trên nắp vỏ chai có gắn 01 (một) ống thủy tinh hình trụ tròn và 01 (một) ống nhựa; 01 (một) vỏ chai thủy tinh có nắp màu vàng, trên nắp vỏ chai có gắn 01 (một) ống thủy tinh hình trụ tròn; 03 (ba) máy bật lửa.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 86481806046019 (thu giữ của Lưu Nguyễn H2, máy đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone màu đen, số IMEI: 350813228585784 (thu giữ của Lưu Nguyễn H2, máy đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng, số IMEI: 865532067330155 (thu giữ của Nguyễn Hữu H1, máy đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số IMEI: 869644050500292 (thu giữ của Trần Văn T, máy đã qua sử dụng); 01 (một) tờ tiền Ngân hàng Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Đình N 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone màu vàng, số IMEI: 356712080640667.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 (một) tờ tiền ngân hàng Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu S 01 (một) xe mô tô màu đen, BKS: 75 H1 - 611.63 hiệu Honda Winner, số máy: KC24E1029685, số khung: 3715KY015436.

Các vật chứng trên có đặc điểm như mô tả trong Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29/01/2026 và Ủy nhiệm chi ngày 25/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Huế.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hữu H1, Lưu Nguyễn H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Thi hành án dân sự thành phố Huế;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an thành phố Huế;
- Phòng PV 06 CA thành phố Huế;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- Trại tạm giam Công an thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Hạnh